

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thu Hiền, bà Nguyễn Thị Xoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Anh, Thư ký TAND khu vực 3 - Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh tham gia phiên Tòa: Bà Trần Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 45/2026/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2026/QĐXXST–HNGĐ ngày 12/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị N, sinh ngày 20/11/1998, số ĐDCN: 042198014020, nơi ĐKTT: Thôn T, xã G, tỉnh Hà Tĩnh. Xin vắng mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang H, sinh ngày 03/3/1988, số ĐDCN: 042088008775, nơi ĐKTT: Thôn T, xã G, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Nhật Bản. Vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Minh N1, sinh năm 1951; số ĐDCN: 042051005348, nơi ĐKTT: Thôn T, xã G, tỉnh Hà Tĩnh. Xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Quang H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 14/6/2017 tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã G, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay chị N xác định tình cảm với anh H không còn nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang H.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị N và anh H có con chung là cháu Nguyễn Văn Thiên P, sinh ngày 27/02/2017 và cháu Nguyễn Văn Thiên B, sinh ngày 09/7/2022. Hiện nay cháu P đang do gia đình anh H chăm sóc, cháu B do chị N chăm sóc. Nếu ly hôn chị N có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc cháu B, còn cháu P do anh H chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Võ Thị N có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Quang H: Ngay sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh H, đồng thời có công văn số 676/2026/CV-TA ngày 09/03/2026 gửi Phòng Q – Công an tỉnh H xác minh thông tin xuất nhập cảnh của anh Nguyễn Quang H. Tại văn bản số 440/QLXNC – Đ1 ngày 12/03/2026, phòng quản lý xuất nhập cảnh xác định anh Nguyễn Quang H sử dụng hộ chiếu P02913064 xuất cảnh vào ngày 17/3/2024 qua sân bay quốc tế N và không thấy thông tin nhập cảnh về nước trên hệ thống.

Để có căn cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Tòa án đã gửi công văn đề nghị Ban đối ngoại Đ (VOV5) đăng thông tin cho anh Nguyễn Quang H. VOV5 đã đăng thông tin theo yêu cầu của Tòa án trong các ngày 24,25,26/3/2026 nhưng anh H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Ngày 06 và ngày 20/5/2026, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh đã gửi văn bản yêu cầu gia đình anh Nguyễn Quang H cung cấp địa chỉ của anh H. Tại biên bản làm việc ngày 02 và 05/6/2026, anh Nguyễn Quang H và ông Nguyễn Minh N1 – bố đẻ anh Nguyễn Quang H- phản ánh: Đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các loại văn bản tố tụng khác của Tòa án nhưng do anh H không có địa chỉ cụ thể nên không cung cấp được cho Tòa án. Anh H đồng ý ly hôn với chị N và có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc con chung Nguyễn Văn Thiên P, còn con chung Nguyễn Văn Thiên B do chị N trực tiếp chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh H, chị N tự thỏa thuận. Trong thời gian anh H đi lao động tại Nhật Bản anh nhờ ông N1 chăm sóc cháu P và nhận các loại văn bản của Tòa án thay anh. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Minh N1 đồng ý với ý kiến của anh H về việc thay anh H chăm sóc cháu P trong thời gian anh H đi lao động tại Nhật Bản và nhận văn bản của Tòa án thay anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc và đề nghị Tòa án áp dụng: khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 469 Bộ luật TTDS; khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 104 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình”, đề nghị xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N. Chị Võ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Quang H.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn Thiên B, sinh ngày 09/07/2022 cho chị Võ Thị N và giao con chung là cháu Nguyễn Văn Thiên P,

sinh ngày 27/02/2017 cho anh Nguyễn Quang H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Trong thời gian anh H lao động tại nước ngoài, giao cháu Nguyễn Văn Thiên P cho ông Nguyễn Minh N1 chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P đến khi anh H về nước. Chị N, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”; Chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Quang H. Anh Nguyễn Quang H đăng ký thường trú tại thôn T, xã G, tỉnh Hà Tĩnh, đã xuất cảnh qua sân bay N vào ngày 17/3/2024, không có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 1 điều 4 Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật: Chị Võ Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quang H và yêu cầu được nuôi con chung, do đó xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc vắng mặt đương sự: Chị Võ Thị N, ông Nguyễn Minh N1 xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Quang H đã xuất cảnh vào ngày 17/3/2024 và chưa có thông tin nhập cảnh về nước theo văn bản số 440/QLXNC – Đ1 ngày 12/03/2026 của phòng Q - Công an tỉnh H. Tòa án đã đăng tin thông báo cho anh Nguyễn Quang H qua Ban đối ngoại Đ (VOV5) nhưng anh H không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Do đó tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Quang H đăng ký kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã G, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 14/06/2017 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp theo quy định tại điều 8, điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn một thời gian, chị N và anh H phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Sau khi được gia đình thông báo và trực tiếp liên lạc với Tòa án về việc chị N yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý ly hôn với chị N. Tòa án đã thông báo hợp lệ cho anh H nhưng anh H không có mặt, chứng tỏ anh

H bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng đã ly thân, không còn sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, quan hệ hôn nhân thực tế đã không tồn tại trong một thời gian dài. Do đó có căn cứ để khẳng định tình trạng của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Có căn cứ xác định Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Quang H có hai con chung là Nguyễn Văn Thiên P, sinh ngày 27/02/2017 và Nguyễn Văn Thiên B, sinh ngày 09/7/2022. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Văn Thiên B và giao Nguyễn Văn Thiên P cho anh Nguyễn Quang H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quang H cũng có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Văn Thiên P và giao con chung Nguyễn Văn Thiên B cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn Văn Thiên P có nguyện vọng được ở với anh Nguyễn Quang H. Hiện nay, anh H không có mặt tại Việt Nam nên anh P nhờ ông Nguyễn Minh N1 chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Văn Thiên P và ông N1 đồng ý chăm sóc cháu P trong thời gian anh H không có mặt ở Việt Nam. Việc cấp dưỡng nuôi con các đương sự đều không yêu cầu giải quyết.

Từ các căn cứ trên và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, HĐXX thấy cần giao con chung Nguyễn Văn Thiên P cho anh Nguyễn Quang H và Nguyễn Văn Thiên B cho chị Võ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi người trực tiếp nuôi con là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian anh H không có mặt ở nhà, tạm giao cháu Nguyễn Văn Thiên P cho ông Nguyễn Minh N1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N, anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị N và anh Nguyễn Quang H không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025; điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và danh mục án phí kèm theo.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271; khoản 1 điều 273, khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[5]. Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa. Hội đồng xét xử thấy ý kiến của Viện Kiểm sát là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 28, điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147; khoản 1 điều 207, điều 227, điều 228, điều 238, điều 271; khoản 1 điều 273, điều 469, khoản 2 điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025. Điều 8, điều 9, điều 51; khoản 1 điều 56, 58, 81, 82, 83, 123 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Điểm b khoản 1 điều 3, khoản 1 điều 6, điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và danh mục án phí kèm theo, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị N: Chị Võ Thị Ngọc ly H1 với anh Nguyễn Quang H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Thiên P, sinh ngày 27/02/2017 cho anh Nguyễn Quang H, giao cháu Nguyễn Văn Thiên B, sinh ngày 09/7/2022 cho chị Võ Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi về quyền nuôi con. Trong thời gian anh Nguyễn Quang H không có mặt ở Việt Nam, tạm giao cháu Nguyễn Văn Thiên P cho ông Nguyễn Minh N1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Võ Thị N, anh Nguyễn Quang H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét trong vụ án này, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000299 ngày 06/03/2026 của thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Chị Võ Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị N, ông Nguyễn Minh N1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Nguyễn Quang H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND KV3- Hà Tĩnh;
- THADS KV3- Hà Tĩnh;
- UBND xã Gia Hanh, Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Anh Tú